

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2019
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh;

2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu T Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 25/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 274/2018/TLST-HN ngày 06 tháng 8 năm 2018 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST - HN ngày 25 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST – HN ngày 10/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1990.

Nơi cư trú: Số 43/4, hẻm H, tổ 11, đường N, khóm V, phường A, thành phố D, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Tổ 01, khóm Vĩnh Phước 1, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Chị Nguyễn Thị Th có mặt.

Anh Trương Văn T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị (Nguyễn Thị Th) và anh Trương Văn T quen biết nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 2009, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A, thị xã Châu Đốc (nay thành phố Châu Đốc), tỉnh An Giang; số 101/HT ngày 28/4/2009.

Chị Nguyễn Thị Th cho rằng: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình anh T gay gắt hung dữ, nhiều lần nghi ngờ rồi gây sự với chị, chị nhiều lần trình bày vợ chồng cảm thông lo cho gia đình nhưng không hiệu quả, thậm chí mới đây ông T còn có thái độ nguy hiểm là đốt cháy xe mô tô suýt lây lan cháy nhà khiến chị và mọi người lối xóm lo lắng sợ hãi. Do không thể nào chung sống với anh T được nên chị khởi kiện xin ly hôn.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trương Văn T cho rằng: Thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân theo trình bày của Th là thực tế. Do anh sống tại nhà của cha mẹ vợ và anh thừa nhận thời gian gần đây anh có uống rượu, do không kiềm chế nên có cãi vã nhau với Th, anh có mua xăng về đốt xe mô tô của anh mua sử dụng, Công an phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc có mời anh đến giải quyết. Qua sự việc trên, anh nhận thấy là có lỗi với vợ con nên anh xin đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị (T – Th) khai thống nhất sinh 01 con chung tên Trương Ngọc Yến V, sinh ngày 19/11/2013. Hiện do chị (Th) đang nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung – nợ chung: Anh chị (T – Th) khai thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập chị Th và anh T đến Tòa án tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng việc hòa giải không thành, do chị Th cương quyết ly hôn anh T.

Kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang và được bà Phi Hồng Hiền – Phó Ban khóm 1, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc cung cấp: Anh chị Trương Văn T và Nguyễn Thị Th chung sống tại nhà cha mẹ vợ, cuộc sống chung vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn hay không thì địa phương không biết, riêng anh T thì trước tết quý Hợi (2019), anh có uống rượu và mua xăng về đốt chiếc xe mô tô của anh, gia đình chị Th đến ban khóm trình báo và cũng có cử người đến nhà, đã ngăn chặn được lửa, anh T đã được Công an phường Châu Phú A mời về làm việc và được biết hiện nay anh T không còn sống chung với chị Th.

Kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang và được ông Huỳnh Văn Th1 – Phó Ban khóm Vĩnh Phước 1, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc cung cấp: Anh Trương Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 01, khóm Vĩnh Phước 1, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Trước đây anh T sống bên vợ nhưng gần đây vợ chồng xích mích không còn ở bên vợ nữa, anh T có về nhà ăn tết, hiện nay đi làm Thê, không có ở nhà.

Tại phiên toà, chị Th vẫn y ý kiến ban đầu là cương quyết xin ly hôn anh T do cuộc sống chung không hạnh phúc, anh T thường xuyên rượu chè, chị nhiều lần khuyên nhưng anh không sửa đổi, anh T sống chung nhà cha mẹ của chị mà lại mua xăng về đốt xe mô tô, cuộc sống như vậy không thể đảm bảo tính mạng của chị, chị sống trong sự lo sợ không thể nào an tâm nuôi dạy con chung.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh Trương Văn T và kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Đối với nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do, Thộc trường hợp xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chị Th và anh T có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các biên bản ghi lời khai bà Th và ông T kết hôn năm 2009, thời gian đầu chung sống có hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông T tình tình khó khăn, nhiều lần ghen tuông vô cớ mặc dù bà Th trình bày để vợ chồng thông cảm nhau nhưng ông T không sửa đổi, thậm chí có lần ông T đốt xe làm bà Th sợ hãi và vợ chồng đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà có yêu cầu được ly hôn ông T. Bị đơn cũng thừa nhận việc vợ chồng có cãi vã và trong lúc nóng giận ông có đốt xe Honda của ông. Hiện ông đã biết lỗi và mong bà Th tha thứ để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng nhau nuôi dạy con chung.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng ông T chẳng những không quan tâm chia sẻ cùng vợ chăm lo cho gia đình mà còn nghi ngờ vô cớ dẫn đến dẫn đến vợ chồng cãi vã, T còn thực hiện hành vi đốt tài sản, gây ra sự lo lắng, sợ hãi cho bà Th và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Th yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung:

Chị Th và anh T sống chung sanh 01 con chung tên: Trương Ngọc Yên V, sinh ngày 19/11/2013, cháu V hiện do chị Th đang nuôi dạy, do cháu V còn nhỏ, là bé gái, rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Để tạo điều kiện Thuận lợi cho sự phát triển của Bé. Do đó, việc chị Th yêu cầu tiếp tục được nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn T. Đồng thời, anh T cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về vắng mặt của đương sự:

Anh Trương Văn T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án T hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2009, chị Th và anh T đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A, thị xã Châu Đốc (nay thành phố Châu Đốc), tỉnh An Giang; số 101/HT ngày 28/4/2009, công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Chứng cứ nguyên đơn đưa ra để yêu cầu ly hôn bị đơn là cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, do bị đơn thường xuyên rượu chè, chị nhiều lần khuyên nhưng anh không sửa đổi, thời gian gần đây bị đơn lại có biểu hiện đi nhậu về nhà và đốt xe mô tô gây ảnh hưởng những người dân xung quanh, chính vì thế chị không thể nào sống chung với anh T do cuộc sống của chị không đảm bảo tính mạng. Hiện tại anh chị không còn sống chung. Tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, chị Th khởi kiện ly hôn anh T.

Anh Trương Văn T thừa nhận lời trình bày của chị Th về phát sinh mâu thuẫn, do trong lúc có rượu, anh không kiềm chế nên xảy ra sự việc là anh mua xăng về đốt xe mô tô của anh, nay anh nhìn nhận lỗi của mình, mong muốn đoàn

tự gia đình cùng nhau lo nuôi dạy con chung. Hiện nay anh đi làm Thê kiểm tiền phụ tiếp vợ nuôi con chung, không còn ăn nhậu nữa.

Xét, anh T và chị Th phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc anh T thường xuyên rượu chè, khi về nhà vợ chồng cãi vã nhau và anh T có hành động mua xăng đốt xe mô tô mà hàng ngày anh sử dụng làm phương tiện sinh sống. Do gia đình chị Th báo kịp thời nên chính quyền địa phương đã ngăn chặn kịp thời, không thiệt hại người và của. Tuy nhiên, việc làm của anh T hết sức nguy hiểm không chỉ ảnh hưởng đến gia đình chị Th, mà còn ảnh hưởng đến mọi người xung quanh nhất là nhà chị Th lại ở trong hẻm, nên việc làm của anh T đã được Công an phường mời làm việc, qua sự việc này cũng cần nhắc nhở anh T không sử dụng chất dễ cháy nổ gây ảnh hưởng rất lớn đến mọi người dân tại địa phương. Dù anh T nhận lỗi và hiện anh đi làm Thê kiểm tiền gởi phụ tiếp chị Th nuôi con chung và xin đoàn tụ gia đình, nhưng chị Th vẫn không đồng ý, hiện nay thì cả hai không còn sống chung với nhau.

Khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ, chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”;

Xét thấy, chị Th và anh T không còn sống chung với nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn T là có căn cứ.

[Về con chung]:

Chị Th và anh T sống chung với nhau và sanh 01 con chung tên là: Trương Ngọc Yến V, sinh ngày 19/11/2013, cháu V hiện do chị Th đang nuôi dạy, chị Th có yêu cầu nuôi dạy con chung.

Xét, cháu V hiện chị Th đang nuôi dạy, cuộc sống cháu ổn định, nên tiếp tục giao cho chị Th nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trương Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng:

Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đề cập đến giải quyết.

[Về tài sản chung – nợ chung]: Chị Th và anh T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến giải quyết.

[Về án phí]: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp.

Anh Trương Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. *[Về quan hệ hôn nhân]:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th;

Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Trương Văn T.

2. *[Về con chung]:*

Chị Nguyễn Thị Th tiếp tục nuôi dạy cháu: Trương Ngọc Yến V, sinh ngày 19/11/2013, anh Trương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trương Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *[Về án phí sơ thẩm]:*

Chị Nguyễn Thị Th chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007750 ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Chị Th đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Anh Trương Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị Th có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Anh Trương Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều Nga

